

Số: /BC-UBND

Bình Thành, ngày tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

**Tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn
2021-2025; Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội
xã Bình Thành giai đoạn 2026-2030**

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ BÌNH THÀNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kết quả thực hiện cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế

1.1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và xây dựng NTM

1.1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

- Cây lúa: Duy trì cây hết diện tích 892 ha (Sơn Phú: 440 ha; Bình Thành: 452 ha), sản lượng thóc năm 2025 đạt 4.733 tấn giảm 64 tấn so với năm 2020.

- Cây chè: Tổng diện tích chè hiện có là 561,34 ha, trong đó chè kinh doanh là 512,78 ha. Sản lượng chè tươi năm 2025 đạt 7.700 tấn, tăng 1.295 tấn so với năm 2020.

Đến năm 2025, xã có 02 sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao trong đó: 01 sản phẩm Côm Nếp vải của tổ hợp tác sản xuất xóm Sơn Vinh; 01 sản phẩm trà ATK của HTX Phú Đạt.

- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (giá hiện hành) năm 2025 đạt 115,9 triệu đồng, tăng 22,5 triệu đồng so với năm 2020.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Tổng diện tích trồng rừng giai đoạn 2021-2025 đạt 491,7ha. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn xã đạt trên 37%.

Năm 2025, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của đạt 72 tỷ đồng/năm, tăng 7,0 tỷ so với năm 2020.

1.1.2. Chăn nuôi - thú y

Phát triển theo hướng gia trại, quy mô vừa và nhỏ. Giá trị và sản lượng chăn nuôi hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2025 đạt 1.235 tấn, tăng 684 tấn so với năm 2020; sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 160 tấn; tăng 7,7 tấn so với năm 2020.

1.1.3 Chương trình xây dựng nông thôn mới

Được cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị quan tâm thực hiện. Kết quả đến năm 2024 xã Bình Thành đạt chuẩn xã NTM, xã Sơn Phú đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu, góp phần đổi mới diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống người dân. Sau sáp nhập, qua rà soát xã Bình Thành đạt 14/19 tiêu chí Nông thôn mới.

1.2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch

Hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã duy trì ổn định và phát triển. Hiện có trên 91 hộ kinh doanh cá thể, trong đó khoảng 61 hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Sau sáp nhập, xã Bình Thành có 13 cơ sở chế biến lâm sản (ván bóc, ván ép, gỗ dăm...), giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2025 đạt 14,6 tỷ đồng, tăng 4,6 tỷ đồng so với năm 2020.

1.3. Đầu tư xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng

Tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2021-2025 là 123.831,485 triệu đồng với tổng 73 công trình.

1.4. Quản lý ngân sách, tài sản công; hoạt động tín dụng ngân hàng

Trước khi sáp nhập (hai xã cũ), tổng thu ngân sách nhà nước ổn định, công tác chi ngân sách được thực hiện tiết kiệm, tập trung đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng và nâng cao đời sống nhân dân. Sau khi sáp nhập 2 xã thành xã Bình Thành mới (từ tháng 01/7/2025), công tác quản lý ngân sách được tập trung và thống nhất. Năm 2025, tổng thu ngân sách đạt 11,350 triệu đồng, đạt 159,6% kế hoạch, tăng 10.861,1 triệu đồng so với năm 2020. Công tác chi ngân sách được triển khai kịp thời, đúng quy định, bảo đảm các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa - xã hội trên địa bàn xã.

1.5. Quản lý tài nguyên - môi trường

Về môi trường: UBND xã tiếp tục chỉ đạo các xóm, cơ quan duy trì vệ sinh thường xuyên, đặc biệt tại khu dân cư, điểm di tích và các tuyến đường chính gắn với phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” và thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

1.6. Dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, công tác giảm nghèo

Giai đoạn 2021-2025, trước khi sáp nhập, các xã đã triển khai nhiều dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cùng với công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống người dân.

UBND xã Bình Thành đã tiếp nhận, rà soát và triển khai thống nhất các dự án, tiêu dự án, bảo đảm kế thừa và hiệu quả đầu tư. Đến hết năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã còn 82 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,86% (giảm 0,92% so với đầu kỳ); 53 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 1,85% (giảm 0,69% so với đầu kỳ).

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Văn hoá, thể thao, thông tin, truyền thông

Lĩnh vực văn hóa, thể thao được quan tâm, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nghệ thuật được chú trọng. Nhiều sự kiện văn hóa, hoạt động

kỷ niệm các ngày lễ lớn được tổ chức thành công, Công tác tổ chức các giải thể thao cơ sở được duy trì thường xuyên, tạo môi trường rèn luyện sức khỏe rộng khắp. Công tác thông tin, truyền thông được bảo đảm đúng định hướng; hoạt động truyền thông tập trung quảng bá tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

2. Công tác giáo dục và đào tạo

Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. 06/06 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ I, đạt 100%, trong đó có 2/6 trường đạt chuẩn mức độ 2.

3. Các chính sách an sinh xã hội

Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời và đồng bộ; việc huy động nguồn lực từ Nhà nước, cộng đồng và các tổ chức xã hội được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện để người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ an sinh.

Trong giai đoạn 2021-2025, cấp ủy và chính quyền đã chỉ đạo quyết liệt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở; toàn xã đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho 129 hộ (trong đó xã Bình Thành 109 hộ, xã Sơn Phú 20 hộ).

4. Công tác y tế, kế hoạch hóa gia đình

Công tác chăm sóc, sức khỏe ban đầu cho nhân dân ngày càng được nâng cao. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 xảy ra trong những năm đầu nhiệm kỳ 2021-2025; Các bệnh truyền nhiễm khác được theo dõi chặt chẽ, không để phát sinh ổ dịch lớn; trên địa bàn không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng.

5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được chỉ đạo triển khai kịp thời, phát huy hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo được triển khai thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn được duy trì ổn định, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

6. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số

UBND xã đã tập trung triển khai công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và Nhân dân trong thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số tại địa phương.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Toàn giai đoạn, đơn vị tiếp nhận và giải quyết 43.119 hồ sơ, bình quân mỗi năm khoảng 10 -11 nghìn hồ sơ, chủ yếu thuộc lĩnh vực tư pháp - hộ tịch, chứng thực, đất đai, lao động - thương binh và xã hội. Trong giai đoạn từ 01/7 đến 14/12/2025, Trung tâm tiếp nhận và giải quyết 2.060 hồ sơ, đạt 100% đúng và trước hạn, không có hồ sơ quá hạn; còn 19 hồ sơ đang xử lý.

Việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được tập trung tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, được đầu tư trang thiết bị hiện đại và hạ tầng mạng tốc độ cao. Trung tâm bố trí khu xử lý hồ sơ, khu phục vụ công dân có wifi, máy tính hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến, máy lấy số tự động, máy tra cứu thủ tục hành chính, máy lấy ý kiến hài lòng của người dân.

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Công tác nội vụ

Giai đoạn từ năm 2021 đến tháng 6/2025, công tác nội vụ trên địa bàn được triển khai đồng bộ, góp phần ổn định tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Số lượng cán bộ công chức xã được giao 36 biên chế, hiện có 30 biên chế. Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, trình độ và năng lực.

2. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, công tác tư pháp

UBND xã duy trì chế độ tiếp công dân định kỳ và đột xuất, kịp thời tiếp nhận, phân loại, xử lý các kiến nghị, phản ánh của Nhân dân, bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, không để phát sinh điểm nóng, phức tạp. Tổng số đơn thư tiếp nhận chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai, chính sách và tranh chấp nhỏ trong Nhân dân; 100% đơn thư được xem xét, giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Công tác tư pháp được thực hiện đúng quy định, bảo đảm kịp thời, đầy đủ trên các lĩnh vực hộ tịch, chứng thực, phổ biến giáo dục pháp luật. Công tác theo dõi thi hành pháp luật và quản lý xử lý vi phạm hành chính được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

3. Công tác quốc phòng - an ninh

3.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tổ chức huấn luyện, diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã bảo đảm hiệu quả, an toàn. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu, chất lượng ngày càng cao.

3.2. Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

An ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định. Công tác phòng, chống tội phạm được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Trật tự, an toàn giao thông có chuyển biến tích cực; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

được triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả. Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” có sự đổi mới về nội dung, phương pháp thực hiện, hiệu quả được nâng lên.

3.3. Công tác đối ngoại

Hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện tốt các nội dung hợp tác, tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ của các tổ chức; chú trọng mở rộng mối quan hệ giao lưu, kết nghĩa với một số cơ quan Trung ương, đơn vị quân đội từng đóng quân trên địa bàn và một số địa phương trong và ngoài tỉnh để quảng bá, giới thiệu hình ảnh quê hương trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Về kinh tế: Sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư, giao thông nông thôn, thủy lợi, điện và thông tin được cải thiện, góp phần thúc đẩy sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến rõ rệt. Các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, giáo dục và y tế được duy trì nền nếp, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe và nhận thức cộng đồng. Công tác an sinh xã hội, chăm lo hộ nghèo, đối tượng chính sách được quan tâm, thực hiện đầy đủ, kịp thời.

- Bộ máy chính quyền cơ sở được củng cố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường.

- Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số được quan tâm thực hiện, việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn cho Nhân dân.

2. Một số khó khăn, hạn chế

2.1. Về kinh tế: Một số hoạt động sản xuất chủ yếu mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chưa có sự liên kết vùng. Hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện xuống cấp, chưa đồng bộ giữa các khu vực; nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp. Năng suất lao động nông nghiệp thấp, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, Công tác giải ngân đầu tư công có thời điểm chậm so với kế hoạch.

2.2. Về văn hóa - xã hội: Một số phong trào văn hóa, thể thao duy trì còn hình thức; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế tuy cao nhưng chất lượng dịch vụ

y tế cơ sở còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý xã hội chưa mạnh.

2.3. Về công tác nội vụ, nội chính, cải cách hành chính: Sau khi sáp nhập khối lượng công việc tăng đáng kể, song bộ máy chính quyền đã được kiện toàn, sắp xếp hợp lý, bảo đảm hoạt động thông suốt. Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ, công chức vẫn còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ nên khối lượng công việc phân bổ cho từng cá nhân còn lớn, áp lực xử lý hồ sơ hành chính cao. Một số vị trí công tác mới được bố trí, cần thêm thời gian để phối hợp nhịp nhàng, ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả điều hành.

2.4. Về quốc phòng - an ninh: Địa bàn sau sáp nhập rộng, dân cư phân tán, gây khó khăn trong nắm tình hình an ninh cơ sở. Một số vấn đề tiềm ẩn về an ninh trật tự, nhất là tranh chấp đất đai, tệ nạn xã hội và an toàn giao thông vẫn còn xảy ra. Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong xử lý tình huống đôi lúc chưa thật chặt chẽ.

2.5. Về đối ngoại và huy động các nguồn lực: Việc thu hút đầu tư, huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế của địa phương sau sáp nhập; quy mô và hiệu quả các mô hình hợp tác còn ở mức nhỏ, chưa tạo được đột phá rõ nét.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân 10,5%/năm trở lên.

(2) Thu nội địa là 82.433 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất là 7.669 triệu đồng; thu ngân sách địa phương (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất*) là 74.764 triệu đồng; tốc độ tăng thu ngân sách địa phương (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất*) phấn đấu đạt bình quân 14,0%/năm.

(3) Đến năm 2030, sản lượng lương thực có hạt là 5.070 tấn; sản lượng chè búp tươi là 8.560 tấn; tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt 2.975 tỷ đồng; sản lượng thịt gia súc gia cầm chủ yếu xuất chuồng là 1.180 tấn.

(4) Diện tích trồng rừng tập trung là 210 ha;

2. Về văn hóa - xã hội

(5) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.

(6) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn dưới 2,3%.

(7) Duy trì tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

(8) Củng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; trước năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Năm 2030, duy trì 100% trường học đạt chuẩn quốc gia.

(9) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030): Số hộ nghèo là 200 hộ; tỷ lệ hộ nghèo là 6,86%; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 2,05%.

(10) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 gấp 1,5 lần so với năm 2025.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn đạt 84%.

(12) Hằng năm, có trên 90% gia đình văn hóa; trên 90% xóm văn hóa; 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; duy trì các Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và có ít nhất 01 Câu lạc bộ thể thao.

(13) 100% tổng số hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên môi trường mạng.

3. Về môi trường

(14) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 37% trở lên.

(15) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(16) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2031 đạt 80% trở lên.

(17) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, taxi) sử dụng năng lượng xanh năm 2030 đạt từ 20% trở lên.

4. Về quốc phòng - an ninh

(18) Hằng năm, phấn đấu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 3,82% trở lên so với dân số của xã. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 25,93% các đối tượng theo quy định.

(19) Phấn đấu đến năm 2030, đạt tiêu chí xã không ma túy; hằng năm kiểm chế tai nạn giao thông, nhất là các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, phấn đấu kéo giảm 5% trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Sản xuất nông lâm nghiệp

Tập trung định hướng quy hoạch tổng thể về sản xuất nông lâm nghiệp tập trung nhằm thúc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn; rà soát tổng thể diện tích đất kém hiệu quả để chuyển đổi mục đích, chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm; tăng diện tích sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; định hướng quy hoạch khu vực chăn nuôi tập trung, phát triển kinh tế trang trại, gia trại, các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng.

1.2. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào những lĩnh vực như: vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, chế biến chè, cơ khí, vận tải; quan tâm phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và giá trị sản phẩm.

1.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Tập trung nghiên cứu, định hướng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết trung tâm hành chính mới của xã gắn với quy hoạch khu dân cư và các thiết chế văn hóa; quy hoạch các tuyến đường giao thông trọng điểm, các tuyến đường nội đồng.

1.4. Quản lý thu chi ngân sách

Tăng cường công tác quản lý, khai thác triệt để các nguồn thu, phấn đấu thu ngân sách hằng năm đạt và vượt kế hoạch cấp trên giao. Quản lý và điều hành chi ngân sách chặt chẽ, đúng luật phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đẩy mạnh công tác thu ngân sách từ chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở, đất dự án,

1.5. Công tác quản lý tài nguyên môi trường

Thực hiện tốt công tác rà soát, điều chỉnh quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về đất đai, môi trường.

1.6. Về xây dựng nông thôn mới

Sử dụng, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo... để thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..Duy trì các tiêu chí nông thôn mới đã đạt, góp phần hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, tiến tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

2.1. Phát triển giáo dục đào tạo

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo theo đúng quy định; Giữ vững 4/6 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, duy trì 2/6 trường đạt mức độ 2, phấn đấu đến năm 2030 có 4/6 trường đạt chuẩn mức độ 2.

2.2. Phát triển sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao

Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, các xóm xây dựng cơ quan văn hóa, xóm văn hóa, gia đình văn hóa, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; Tổ chức, hoạt động có hiệu quả Câu lạc bộ Văn hóa, Văn nghệ, Thể thao cấp xã.

2.3. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân

Thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, y tế dự phòng, đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, vận động nhân dân tích cực tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

2.4. Bảo đảm các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chú trọng đào tạo nghề và giải quyết việc làm nhằm tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, đáp ứng được yêu cầu phát triển hiện nay. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, bảo trợ xã hội bằng các nguồn lực đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội khác, trong đó chú trọng công tác giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công.

2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

3. Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh công tác cải cách hành, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động công vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, các thủ tục hành chính được giải quyết trên cổng dịch vụ công, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng địa phương. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiêu cực; chú trọng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quốc phòng địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh về mọi mặt, thực sự là nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự gắn với tiếp tục triển khai quyết liệt Đề án 06/CP của Chính phủ. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, duy trì xã không ma túy theo kế hoạch.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Bình Thành giai đoạn 2026-2030 xã Bình Thành./.

Nơi nhận:

- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã
- BTT UBMTTQ xã;
- Lãnh đạo các phòng chuyên môn;
- Người ứng cử đại biểu QH, HĐND các cấp;
- Lưu VT, VP. dungnt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Âu Văn Được